

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

H, ngày 19 tháng 9 năm 2022

Số: 142/2022/QĐST- HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH P

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Trương Nguyễn Quân

Căn cứ các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 132/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Các đương sự đề nghị Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận tại phiên Tòa.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cù Thị Tuấn A, sinh năm 1976;

Nơi ĐKKHKT: Khu 8, xã V, huyện H, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1975;

Nơi ĐKKHKT: Khu 8, xã V, huyện H, tỉnh P.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn K sinh năm 1967 và chị Cù Thị Thanh N, sinh năm 1965;
địa chỉ: Khu 3, xã V, huyện H, tỉnh P.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 và anh Phùng Trọng Đ, sinh năm 1979;
địa chỉ: Khu 4, xã V, huyện H, tỉnh P.

- Anh Cù Đức Đ, sinh năm 1974 và chị Phùng Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: tại Khu 8, xã V, huyện H, tỉnh P.

- Anh Nguyễn Văn V và chị Hoàng Thị H; địa chỉ: Khu 8, xã V, huyện H, tỉnh P.

- Anh Nguyễn Thành G, sinh năm 1986 và chị Đào Thị P, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu 8, xã V, huyện H, tỉnh P.

- Anh Bùi Văn Mi, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố Ẽm, xã M, huyện T, tỉnh P.

- Anh Phạm Văn B, sinh năm 1977 và chị Bùi Thị M, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu 10, xã V, huyện H, tỉnh P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Cù Thị Tuấn A và anh Phạm Văn Đ

* Về con chung: Chị Cù Thị Tuấn A và Phạm Văn Đ xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Quang Nam, sinh ngày 28/02/2002 và cháu Phạm Quang H, sinh ngày 17/01/2014. Khi ly hôn chị A, anh Đ thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Phạm Quang H cho chị **Cù Thị Tuấn A** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên lao động tự túc được. Anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung (chị Anh không yêu cầu). Cháu Phạm Quang Nam hiện đó thành niên, cháu ở với ai thì tùy nguyện vọng của cháu, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Chị **Cù Thị Tuấn A** và anh Phạm Văn Đ thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về Công nợ chung: Chị **Cù Thị Tuấn A** và anh Phạm Văn Đ thống nhất, thỏa thuận như sau:

Sau khi ly hôn chị Anh sẽ có nghĩa vụ trả nợ cho:

+ Anh Nguyễn Văn K và chị Cù Thị Thanh N số tiền 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Chị Nguyễn Thị T và anh Phùng Trọng Đ số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

+ Anh Cù Đức Đ số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

+ Anh Nguyễn Văn V và chị Hoàng Thị H số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Anh Đ sẽ có nghĩa vụ trả nợ cho:

+ Anh Nguyễn Thành G và chị Đào Thị P số tiền 13.600.000đ (Mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ Anh Bùi Văn M số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

+ Anh Phạm Văn B và chị Bùi Thị M số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả của số tiền còn phải thi còn theo mức lãi suất quy định tại điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

* Về tài sản cho vay, Công sức đóng góp: Chị **Cù Thị Tuấn A** và anh Phạm Văn Đ thống nhất không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị **Cù Thị Tuấn A** tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 587.500đ (Năm trăm tám bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đó nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0004931 ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh P.

Anh Phạm Văn Đ phải chịu 615.000đ (Sáu trăm mười lăm nghìn) tiền án phí dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đình Yên

